

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẬP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DSST

Ngày: 16 - 4- 2021

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự về vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Nội.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Lực.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Vò.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 586/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1985; HKTT: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh A, tạm trú: ấp B, xã BTT, huyện L, tỉnh Đ.

\* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến Ng, sinh năm: 1985, địa chỉ: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền đề ngày 10/08/2020).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Hồ Thủy T1, sinh năm 1988, Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

(Chị Nga có mặt, chị T1 vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2020 của chị Huỳnh Thị Cẩm T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến Ng trình bày: Chị Huỳnh Thị Cẩm T và chị Nguyễn Hồ Thủy T1 do quen biết nhau từ trước nên vào ngày 02/01/2020, chị T có cho chị T1 vay số tiền là 30.000.000đ

(Ba mươi triệu đồng). Khi đưa tiền thì chị Nguyễn Thị Yến Ng trực tiếp đưa tiền cho chị T1 nhưng số tiền cho chị T1 vay là của chị T nên chị T1 làm biên nhận nợ với chị T. Sau khi vay tiền một thời gian chị T yêu cầu chị T1 trả tiền vay nhiều lần nhưng chị T1 không chịu trả. Nay chị T yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị Nguyễn Hồ Thuỷ T1 có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Trường hợp nếu sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị T1 không trả số tiền nêu trên thì yêu cầu chị T1 phải trả lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn là chị Nguyễn Hồ Thuỷ T1 trình bày:* Thừa nhận vào ngày 02/01/2020 chị T1 có ký tên và viết họ tên vào tờ “biên nhận tiền” với chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Chị T1 đã nhận đủ số tiền trong biên nhận, số tiền này chị T1 nhận trực tiếp từ chị Nguyễn Thị Yến Ng không nhận tiền từ chị T nhưng khi làm biên nhận chị T1 làm biên nhận nợ với chị Huỳnh Thị Cẩm T. Từ ngày làm biên nhận đến nay chị T1 chưa trả vốn và lãi lần nào. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ trả số tiền vay là 30.000.000đ theo biên nhận ngày 02/01/2020 thì chị T1 không đồng ý vì chị T1 không có vay tiền của chị T mà là vay tiền của chị Nguyễn Thị Yến Ng (là đại diện theo uỷ quyền của chị T trong vụ kiện này) nên chị T1 chỉ đồng ý trả số tiền trên cho chị Ng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã giao nộp đầy đủ, không cung cấp gì thêm và được Tòa án công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là chị Nguyễn Hồ Thuỷ T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T1.

#### **[2] Về yêu cầu của đương sự:**

[2.1] Chị Huỳnh Thị cầm T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị Nguyễn Hồ Thuỷ T1 có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ chị T đã cung cấp cho Toà án bản chính biên nhận tiền đề ngày 02/01/2020. Chị Nguyễn Hồ Thuỷ T1 thừa nhận có nợ số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và ký tên viết họ tên vào biên nhận đề ngày 02/01/2020 mà chị T cung cấp. Nhưng chị T1 cho rằng chị T1 vay tiền và nhận tiền trực tiếp từ chị Nguyễn Thị Yên Ng không có nhận tiền từ chị T nên chị T1 chỉ đồng ý trả tiền cho chị Ng số tiền nêu trên. Xét thấy:

[2.2] Căn cứ vào tờ “Biên nhận tiền” đề ngày 02/01/2020 thể hiện người cho mượn là chị Huỳnh Thị cầm T và người mượn tiền là chị Nguyễn Hồ Thuỷ T1 số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Chị T1 cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền trong biên nhận và chữ ký viết họ tên Nguyễn Hồ Thuỷ T1 do chị T1 ký và viết. Tại phiên toà, chị Ng đại diện theo uỷ quyền của chị T khẳng định số tiền chị T1 vay trong biên nhận tiền là của chị T cho chị T1 vay, chị Ng chỉ là người đưa tiền dùm, chị Ng không có cho chị T1 vay tiền. Như vậy, có căn cứ xác định chị T1 vay của chị T số tiền nêu trên đến nay chưa trả cho chị T do đó chị T yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ trả số tiền vay vốn gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.3] Chị Nguyễn Hồ Thuỷ T1 cho rằng số tiền trong biên nhận ngày 02/01/2020, là do chị T1 vay của chị Nguyễn Thị Yên Ng nhưng làm biên nhận thì làm với chị T nên chị T1 chỉ đồng ý trả số tiền nêu trên cho chị Ng không đồng ý trả cho chị T. Chị Ng không thừa nhận số tiền vay 30.000.000đ là do chị Ng cho chị T1 vay mà số tiền này chị T nhờ chị Ng đưa cho chị T1 dùm nên chị T1 có trách nhiệm trả tiền cho chị T. Như vậy, chị T1 vay tiền và làm biên nhận nợ với chị T nên chị T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền đã vay. Do đó, buộc chị T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vay còn nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) mới là phù hợp.

[2.4] Đối với số tiền lãi của khoản tiền vay các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết do đó không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Cẩm T.**

Buộc chị Nguyễn Hồ Thuỷ T1 có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền vay gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Hồ Thuỷ T1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Huỳnh Thị Cẩm T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số BI/2019/ 0009755 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Văn Nội**